

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ
KHOA NGỮ VĂN**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN
TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH: 7320104**

NĂM 2020

GIÁO

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN

*(Ban ngành kèm Quyết định số 133/QĐ-DHTĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020
của trường Đại học Tây Đô)*

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1 Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Truyền thông đa phương tiện (TTĐPT) trường Đại học Tây Đô, mã ngành 7320104 thuộc quản lý của Khoa Ngữ Văn. Khóa tuyển sinh đầu tiên vào năm 2020. Chương trình đào tạo được xây dựng và hoàn thiện theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 09 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học. Chương trình được rà soát, cập nhật theo ý kiến khảo sát của người học, người sử dụng lao động và được đánh giá, nghiệm thu bởi hội đồng khoa học gồm các chuyên gia, giảng viên và nhà tuyển dụng ngoài trường.

1.2 Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình tiếng Việt: **Truyền thông đa phương tiện**

Tên chương trình tiếng Anh: **Multimedia Communication**

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo tiếng Việt: **Truyền thông đa phương tiện**

Ngành đào tạo tiếng Anh: **Multimedia Communication**

Mã ngành: 7320104

Thời gian đào tạo: 3.5 năm

Loại hình đào tạo: chính quy, tập trung

Số tín chỉ: 130

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

2.1 Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu phát triển của Trường Đại học Tây Đô

Sứ mạng

Sứ mạng của Trường Đại học Tây Đô là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có khả năng ứng dụng khoa học đa lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội

vùng Đồng bằng sông Cửu Long, thông qua việc truyền tải tri thức bằng các phương thức linh hoạt nhất cho người học

Tầm nhìn

Trường Đại học Tây Đô phấn đấu đến năm 2025 trở thành trường đại học tư thục đa ngành hàng đầu ở Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) với định hướng nghiên cứu ứng dụng phục vụ cộng đồng. Phấn đấu đến năm 2035, một số ngành đào tạo hệ đại học chính quy của Trường sẽ phát triển ngang tầm Khu vực Đông Nam Á.

Mục tiêu phát triển đến năm 2035

Mục tiêu chiến lược đến năm 2035 là xây dựng và phát triển Trường Đại học Tây Đô thành một cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học định hướng nghiên cứu ứng dụng có uy tín, chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững về các lĩnh vực: Kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, sức khỏe vùng ĐBSCL và cả nước.

Các giá trị: Trí tuệ- Sáng tạo – Năng động – Đổi mới

Triết lý giáo dục

- Học suốt đời để làm việc suốt đời
- Thực học – Thực nghiệp

2.2 Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu phát triển của Khoa Ngữ văn

Sứ mạng: Cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao theo định hướng nghiên cứu kết hợp thực hành đáp ứng nhu cầu phát triển chất lượng, hiệu quả và bền vững. Hoạt động trong các tổ chức, doanh nghiệp xã hội, đài phát thanh truyền hình; tạo môi trường thuận lợi để nuôi dưỡng, phát triển các tài năng trong các lĩnh vực truyền thông hiện đại.

Tầm nhìn: Trở thành Khoa theo định hướng nghiên cứu và thực hành được xếp ngang tầm với các Khoa chuyên về Truyền thông của các trường ĐH trong vùng và cả nước, trong đó có một ngành được kiểm định bởi các tổ chức kiểm định chất lượng GDDH cấp trường và bộ giáo dục.

Mục tiêu:

Mục tiêu đào tạo: Đào tạo ra những học viên, sinh viên năng động và có đầy đủ sức khỏe; có kiến thức chuyên môn vững vàng; có kiến thức về chính trị xã hội, pháp luật và công nghệ thông tin; có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và quản lý giám sát các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tại các đơn vị tổ chức/ doanh nghiệp

trong môi trường quốc tế luôn thay đổi.

Mục tiêu phát triển đến năm 2030

- Hướng đến xếp hạng ngang tầm với các Khoa chuyên về truyền thông của các trường đại học trong vùng và cả nước, được thể hiện trong mọi mặt hoạt động của các thành viên trong khoa.

- Mở rộng ngành nghề đào tạo cả bậc đại học và sau đại học.

- Tăng quy mô đào tạo so với hiện tại 30%.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên, nâng cao cả về số lượng và chất lượng.

2.3 Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

2.3.1 Mục tiêu chung

Đại học ngành *Truyền thông đa phương tiện* nhằm đào tạo Cử nhân có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống lành mạnh; có kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, văn hoá; có trình độ lý thuyết và kỹ năng tác nghiệp về truyền thông như: phóng viên, cộng tác viên, thông tin viên, biên tập viên... cho các cơ quan truyền thông đại chúng như báo in, đài phát thanh, đài truyền hình, báo điện tử, hãng thông tấn, các cơ quan xuất bản, quảng cáo, quan hệ công chúng, nhà xuất bản, công ty, tổ chức kinh tế; có tác phong làm việc kỷ luật, khoa học; có tinh thần cầu tiến trên cơ sở nhận thức đầy đủ về vai trò - vị trí xã hội của truyền thông đại chúng.

2.3.2 Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức

(G1) Trang bị cho SV những kiến thức đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành truyền thông và ứng dụng những kiến thức này vào việc triển khai thực hiện các giải pháp về truyền thông tạo ra các sản phẩm truyền thông hiện đại phù hợp với tình hình thực tế.

(G2) Thể hiện sự hiểu biết về các khái niệm và học thuyết cơ bản về truyền thông đại chúng (vai trò của báo chí truyền thông trong đời sống xã hội, chức năng cơ bản của truyền thông, các nguyên tắc về đạo đức truyền thông...) để có thể trở thành nhà truyền thông và nhà báo chuyên nghiệp.

- Kỹ năng

(G3) Cử nhân truyền thông đa phương tiện đáp ứng được các yêu cầu về chuyên

môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, ngoại ngữ để thích ứng với môi trường làm việc.

(G4) Tổ chức và thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn về truyền thông từ đó phát triển được năng lực sáng tạo trong lĩnh vực nghề nghiệp.

(G5) Có khả năng làm việc nhóm, từ đó phát triển được năng lực điều hành, quản lý nhân sự, môi trường làm việc.

- Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm

(G6) Đào tạo Cử nhân Truyền thông đa phương tiện có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng bảo vệ Tổ quốc XHCN.

(G7) Có khả năng làm việc độc lập, tự học tập, tự nghiên cứu hoặc tiếp tục học cao hơn trong lĩnh vực Truyền thông.

3. Chuẩn đầu ra:

3.1. Kiến thức

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO1	Nắm rõ một cách hệ thống các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật đại cương.
LO2	Hiểu và thể hiện được nhận thức của mình về nền tảng khoa học xã hội và nhân văn trong đời sống xã hội, đặc biệt là các lĩnh vực tâm lý học, xã hội học và lịch sử.
LO3	Khả năng hiểu và vận dụng truyền thông qua phương tiện đại chúng để truyền thông một cách hiệu quả bằng lời nói, lời viết và các dạng thức khác.
LO4	Biết vận dụng các kiến thức chuyên môn trong việc thiết kế trình bày báo in, trang website chương trình phát thanh - truyền hình. Quy trình hoạt động của các cơ quan báo chí hoặc cơ quan truyền thông.
LO5	Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức chuyên môn, kỹ năng đã học vào thực tiễn nghề nghiệp. Khả năng phối hợp làm việc với nhóm/ekíp sản xuất chương trình/ tác phẩm báo chí

3. 2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO6	Kỹ năng cơ bản trong sử dụng các phương tiện kỹ thuật và công nghệ mới trong hoạt động truyền thông đại chúng, thể hiện khả năng thích nghi trong môi trường hoạt động nghề nghiệp đa phương tiện và kỹ thuật số.

LO7	Kỹ năng cơ bản trong viết thiết kế trình bày ấn phẩm truyền thông, xây dựng chương trình phát thanh – truyền hình. Tác nghiệp linh hoạt trong các loại hình báo chí và thể loại báo chí.
LO8	Khả năng tác nghiệp linh hoạt trong các loại hình báo chí và tìm kiếm thông tin độc lập, tổ chức các cuộc phỏng vấn độc lập để thu nhập, phân tích, tổ chức, tổng hợp thông tin (chữ viết, hình ảnh, số liệu).
LO9	Thành thạo trong xử lý và tổ chức thông tin theo các hình thức của các thể loại báo chí, phục vụ viết và đăng tải, phát sóng trên các phương tiện truyền thông đại chúng (báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử)

3.2.2. Kỹ năng mềm

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO10	Sắp xếp kế hoạch công việc hợp lý và khoa học. Kỹ năng làm việc dưới áp lực thời gian của công việc. Biết tổ chức, phân công công việc trong nhóm/ đơn vị.
LO11	Thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc. Kỹ năng hội nhập và học tập

3.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên cần đạt mức thái độ như được trình bày ở Bảng bên dưới để quá trình đào tạo đạt hiệu quả.

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO12	Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ, quy định và đạo đức nghề nghiệp.
LO13	Thái độ trung thực, khách quan trong học tập và nghiên cứu khoa học nói chung và lĩnh vực truyền thông nói riêng
LO14	Ý thức giữ gìn, bảo tồn, quảng bá và phát huy các giá trị văn hóa trong truyền thống dân tộc.
LO15	Tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm trong công tác; làm việc khoa học, biết đoàn kết hợp tác và học hỏi kinh nghiệm của đồng nghiệp
LO16	Có đạo đức kinh doanh; hành xử chuyên nghiệp và trách nhiệm trong mọi hành vi ứng xử với khách hàng, đối tác, đồng nghiệp và cộng đồng. Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Bảng 1. Ma trận tích hợp Mục tiêu và CDR của chương trình

- | | |
|-------------------|---------------------|
| 1. Không đáp ứng | 2. Đáp ứng một phần |
| 3. Đáp ứng đầy đủ | 4. Vượt hơn yêu cầu |

CHUẨN ĐÀU RA Programme learning outcome (LO)	Mục tiêu đào tạo							
	G1	G2	G3	G4	G5	G6	G7	G8
LO1	3	2	3	3	2	1	3	3
LO2	3	2	3	1	3	3	3	1
LO3	2	2	2	3	3	2	2	2
LO4	1	3	2	2	2	3	3	2
LO5	3	2	2	3	3	2	2	2
LO6	2	2	2	3	3	2	2	2
LO7	3	1	2	4	2	3	2	2
LO8	3	3	4	3	2	2	3	1
LO9	2	2	2	3	3	2	2	2
LO10	2	2	3	3	2	1	3	1
LO11	3	2	2	2	2	2	3	1
LO12	3	3	2	3	3	2	2	1
LO13	3	2	3	3	2	1	3	3
LO14	2	2	2	3	3	2	2	2
LO15	2	1	2	2	2	2	3	1
LO16	3	2	3	3	2	1	3	1

4. ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP, VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

4.1 Định hướng nghề nghiệp, vị trí việc làm

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện có khả năng đảm nhận công việc ở các cơ quan, tổ chức báo chí, truyền thông, xuất bản và các cơ quan thuộc các lĩnh vực khác. Cụ thể:

- Các cơ quan báo chí truyền thông: phóng viên, biên tập viên, thông tin viên, bình luận viên, phát thanh viên, người sản xuất chương trình, người dẫn chương trình, chuyên viên quảng cáo, chuyên viên đối ngoại, cộng tác viên.

- Các đơn vị xuất bản sách, tạp chí: thiết kế, trình bày sách, biên tập, cộng tác xuất bản.

- Các công ty, tổ chức kinh tế: thông tin viên, chuyên viên tổ chức sự kiện, chuyên viên quảng cáo, chuyên viên giao tế cộng đồng (PR), quản trị website, quản trị thương

hiệu, chăm sóc khách hàng.

- Các cơ quan quản lý báo chí - truyền thông: làm việc tại các cơ quan tuyên giáo của các cấp ủy Đảng; các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, truyền thông ở trung ương và địa phương.

Ngoài ra cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện còn có thể đảm nhận công việc hành chính, quản trị văn phòng tại các cơ quan, đơn vị nhà nước và tư nhân có nhu cầu truyền thông, quảng bá, tiếp thị và quan hệ công chúng.

4.2 Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học tập, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn; duy trì, cải thiện kỹ năng mềm.

- Có khả năng học thêm một bằng đại học khác hoặc học tiếp bậc thạc sĩ hay tiến sĩ ở các trường đại học theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1 Thông tin tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.

- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

5.2 Phương thức tuyển sinh:

Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia: sử dụng kết quả kỳ thi THPT Quốc gia xét tuyển.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: đã tốt nghiệp THPT và tổng điểm thi của 3 môn thi (theo thang điểm 10) thuộc nhóm môn xét tuyển phải lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng do nhà trường quy định sau khi có kết quả thi THPT Quốc gia.

Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở THPT (xét học bạ)

Có hai hình thức của phương thức xét học bạ:

- **Hình thức 1:** Xét dựa vào kết quả học tập của cả năm học lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

+ Tốt nghiệp THPT

+ Điểm trung bình chung cả năm lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm các môn dung để lấy kết quả xét tuyển.

+ Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm trung bình chung (ĐTB)} + \text{Điểm ưu tiên (ĐUXT)}$$

$$\text{ĐTB} = (\text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 3}) / 3$$

$$\text{ĐUXT} = (\text{điểm ưu tiên khu vực} + \text{điểm ưu tiên đối tượng}) / 3$$

(ĐTB và ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào điểm trung bình chung của 03 môn thuộc nhóm các môn dung để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 6,0 trở lên.

- **Hình thức 2:** Xét dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 10, cả năm lớp 11, học kỳ I lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

+ Tốt nghiệp THPT

+ Điểm trung bình cả năm lớp 10, cả năm lớp 11, học kỳ I lớp 12 của 3 môn thuộc nhóm các môn dung để lấy kết quả xét tuyển.

+ Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$$\text{ĐXT} = \text{ĐTB} + \text{ĐUXT}$$

$$\text{ĐTB} = (\text{ĐTB môn 1} + \text{ĐTB môn 2} + \text{ĐTB môn 3}) / 3$$

$$\text{ĐTB môn 1} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 1} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 1}) / 3$$

$$\text{ĐTB môn 2} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 2} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 2}) / 3$$

$$\text{ĐTB môn 3} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 3} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 3} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 3}) / 3$$

$$\text{ĐUXT} = (\text{điểm ưu tiên khu vực} + \text{điểm ưu tiên đối tượng}) / 3$$

(ĐTB và ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

Tổ hợp xét tuyển:

Toán – Vật lí – Tiếng Anh (A01)

Ngữ văn – Lịch sử – Địa lí (C00)

Toán – Ngữ văn – Tiếng anh (D01)

Ngữ văn – Tiếng anh – Địa lý (D15)

5.2 Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.2.1 Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/ QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/09/2015 của Hiệu Trường Trường Đại học Tây Đô.

5.2.2 Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/ QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/09/2015 của Hiệu Trường Trường Đại học Tây Đô và Quyết định số 641/QĐ-ĐHTĐ ngày 1/9/2017 quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên.

d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất.

e) Đạt kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định của Nhà trường.

f) Có đơn gửi về Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

5.2.3 Cách thức đánh giá:

Chương trình sử dụng thang điểm 10, quy đổi tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định của Trường. Thực hiện theo quy chế Đào tạo Đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/ QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/09/2015 của Hiệu Trường Trường Đại học Tây Đô)

6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của ngành Truyền thông đa phương tiện, Khoa Ngữ Văn tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

6.1 Chuẩn bị của giảng viên

- Giảng viên giảng dạy chương trình ngành Truyền thông đa phương tiện cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau.
- Nắm rõ kiểu dạng lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; học phần bắt buộc, học phần tự chọn hay học phần thay thế tốt nghiệp).
- Nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp).
- Hiểu rõ sinh viên của mình (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba hay năm cuối đại học).
- Hiểu rõ về chính sách trong học tập.

6.2 Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt người học trung tâm của quá trình giảng dạy;
- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;
- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.
- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng sau:

Bảng 2: Chiến lược giảng dạy và học tập

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà	Thuyết giảng Bài học Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán

	kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, Seminar	Trình diễn mẫu Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Yêu cầu Giải quyết vấn đề Nghiên cứu tình huống Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các học phần cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành trong trường quay	Thực tế
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần của chương trình đào tạo. Sinh viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Tranh luận Thảo luận Giải quyết vấn đề Động não
Hoạt động độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, tiểu luận tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân Kế hoạch nghiên cứu

6.3 Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan.

- Mỗi học kỳ Khoa Xã hội – Nhân văn & Truyền thông đã xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV.

Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

7.1 Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra học phần. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm thi đầu vào, khảo sát sinh viên về học phần giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm, khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics học phần. việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy trình.

7.2 Hình thức, trọng số và các tiêu chí đánh giá

❖ **Các môn lý thuyết:**

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng.

- Trọng số quy định:

- Điểm giữa kỳ, chuyên cần, bài tập, ... : 30%
- Điểm thi kết thúc học phần: 70%. Hình thức thi theo học phần cụ thể ghi trong đề cương chi tiết. Tiêu chí đánh giá bài thi theo đáp án của giảng viên ra đề.

❖ **Các môn thực hành:** Điểm học phần là điểm trung bình cộng điểm của các bài thực hành.

7.3 Thang điểm

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trường trường Đại học Tây Đô).

Bảng 3. Thang điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần:

Xếp loại học phần	Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
Xuất sắc	9,0–10,0	A	4,0
Giỏi	8,0–8,9	B+	3,5
Khá	7,0–7,9	B	3,0
Trung bình Khá	6,5–6,9	C+	2,5
Trung bình	5,5–6,4	C	2,0
Trung bình Yếu	5,0–5,4	D+	1,5
Yếu	4,0–4,9	D	1,0
Kém	nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A : là ĐTBCHK, ĐTBCHNH hoặc ĐTBCTL.

a_i : là điểm của học phần thứ i .

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i .

n : là tổng số học phần.

7.4 Một số Rubric đánh giá trong chương trình

Rubric 2: Các tiêu chí đánh giá bài thuyết trình

Biểu mẫu Rubrics - Thuyết trình (Bài tập nhóm)

STT	TIÊU CHÍ	KHÔNG ĐẠT	ĐẠT	TỐT	RẤT TỐT
		1	2	3	4
1	Nội dung	Sai về nội dung chủ đề, không đầy đủ về nội dung	Đúng và đầy đủ nội dung chủ đề bài thuyết trình	Đúng nội dung chủ đề có liên hệ mở rộng.	Phân tích nội dung trọng tâm chủ đề. Liên hệ nội dung với thực tiễn (nếu có).
2	Cách thiết kế bài thuyết trình	<ul style="list-style-type: none">- Có nhiều lỗi trong câu, từ.- Định dạng không phù hợp về font, size.- Thiếu những hiệu ứng cần thiết.	<ul style="list-style-type: none">- Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả.- Định dạng phù hợp.- Màu sắc đơn điệu, chưa nhấn mạnh trọng tâm.	<ul style="list-style-type: none">- Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả.- Định dạng phù hợp.- Hình ảnh, biểu bảng rõ ràng sắc nét.- Hiệu ứng hợp lý, màu sắc đẹp, có nhấn mạnh trọng tâm.	<ul style="list-style-type: none">- Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả.- Định dạng phù hợp.- Hình ảnh, biểu bảng rõ ràng sắc nét.- Hiệu ứng hợp lý, màu sắc đẹp, có nhấn mạnh trọng tâm.- Có các đường link minh họa hoặc link giữa các slide hợp lý.
3	Tác phong trình bày	Trình bày không tự tin, không suôn sẻ, không rõ ràng.	Trình bày tự tin, suôn sẻ, rõ ràng.	Trình bày tự tin, nhiệt huyết, mạch lạc, rõ ràng, sử dụng tốt ngôn ngữ nói và hình thể.	Trình bày chuyên nghiệp, sử dụng tốt ngôn ngữ nói và hình thể, có tương tác với người nghe.

4	Phản hồi, xử lý ý kiến phản biện	Không xác định mục tiêu, nội dung cần phản biện.	Xác định được nội dung câu hỏi phản biện nhưng trả lời chưa rõ ràng cụ thể.	Trả lời được mục tiêu câu hỏi đề ra nhưng chưa minh họa được bình ví dụ điển hình.	Trả lời được câu hỏi phản biện mở rộng, nâng cao. Liên hệ ví dụ minh họa điển hình cho câu trả lời.
---	---	--	---	--	---

Tiêu chí đánh giá khóa luận tốt nghiệp

Tiêu chí	Tỉ lệ	Tốt (9-10 điểm)	Đạt (5-8 điểm)	Gần đạt (2-4 điểm)	Không đạt (0-1 điểm)
I	NỘI DUNG KHÓA LUẬN 70%				
1. Hình thức	5%	Đầy đủ các chương và các phần liên quan. Bố cục logic. Định dạng đúng quy định. Phù hợp với văn phong khoa học.	Đầy đủ các chương và các phần liên quan. Định dạng đúng quy định Phù hợp với văn phong khoa học.	Đầy đủ các chương. Định dạng đúng quy định	Không đủ các chương. Định dạng sai
2. Cấu trúc	5%	Đầy đủ các chương và các phần liên quan bố cục logic	Đầy đủ các chương và các phần liên quan	Đầy đủ các chương	Không đủ các chương
3. Nội dung					
3.1 Tổng quan	10%	Giới thiệu tình hình thực tế của vấn đề nghiên cứu chính xác rõ ràng xúc tích. Nêu được tính cấp thiết của đề tài. Mục tiêu cụ thể có tương thích với mục tiêu tổng quát Nêu bật được những khiếm khuyết của	Giới thiệu tình hình thực tế của vấn đề nghiên cứu. Nêu được tính cấp thiết của đề tài. Nêu được mục tiêu cụ thể và mục tiêu tổng quát. Nêu bật được những khiếm khuyết	Giới thiệu tình hình thực tế của vấn đề nghiên cứu. Nêu được tính cấp thiết của đề tài.	Không nêu được mục tiêu và không khảo lược tài liệu

		<p> nghiên cứu này đây so với thực tế.</p> <p> Kế thừa thích hợp những tri thức của các nghiên cứu trước đây để tiến hành các nghiên cứu.</p> <p> Xác định các khái niệm làm cơ sở cho đề tài.</p> <p> Trình bày mạch lạc rõ ràng.</p>	<p> của nghiên cứu này đây so với thực tế.</p> <p> Kế thừa thích hợp những tri thức của các nghiên cứu trước đây để tiến hành các nghiên cứu.</p> <p> Xác định các khái niệm làm cơ sở cho đề tài.</p> <p> Trình bày mạch lạc rõ ràng.</p>	<p> Nêu được mục tiêu cụ thể và mục tiêu tổng quát.</p> <p> Xác định các khái niệm làm cơ sở cho đề tài</p>	
<p> 3.2</p> <p> Cơ sở lý luận – thiết kế nghiên cứu</p>	<p> 50%</p>	<p> Xác định được đối tượng nghiên cứu cụ thể rõ ràng.</p> <p> Mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu rõ ràng, tương thích với mục tiêu nghiên cứu</p> <p> Mô tả công cụ thực nghiệm chính xác có tương thích với mục tiêu nghiên cứu.</p> <p> Tính khách quan chính xác khoa học của PP xử lý.</p> <p> Dữ liệu nghiên cứu đầy đủ.</p> <p> Trình bày mạch lạc rõ ràng.</p>	<p> Xác định được đối tượng nghiên cứu cụ thể rõ ràng.</p> <p> Mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu rõ ràng.</p> <p> Mô tả công cụ thực nghiệm chính xác.</p> <p> Tính khách quan chính xác khoa học của PP xử lý.</p> <p> Dữ liệu nghiên cứu đầy đủ.</p>	<p> Xác định được đối tượng nghiên cứu</p> <p> Mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu rõ ràng.</p> <p> Mô tả công cụ thực nghiệm chính xác.</p> <p> Tính khách quan chính xác khoa học của PP xử lý.</p>	<p> Chưa xác định được đối tượng nghiên cứu.</p> <p> Mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu nhưng không tương thích với mục tiêu</p>

				Dữ liệu nghiên cứu đầy đủ.	
3.3 kết quả nghiên cứu	20%	<p>Mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu rõ ràng, logic.</p> <p>Tính xác đáng của kết quả xử lý dữ liệu nghiên cứu.</p> <p>Trình bày kết quả nghiên cứu chính xác, rõ ràng xúc tích.</p> <p>Có đối chiếu với giả thuyết nghiên cứu và các kết quả nghiên cứu trước đây.</p> <p>Trình bày giới hạn có nghĩa của kết quả đề tài.</p> <p>Trình bày mạch lạc, rõ ràng.</p>	<p>Có mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu.</p> <p>Tính xác đáng của kết quả xử lý dữ liệu nghiên cứu.</p> <p>Trình bày kết quả nghiên cứu chính xác.</p> <p>Trình bày giới hạn có nghĩa của kết quả đề tài.</p>	<p>Có mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu.</p> <p>Xử lý dữ liệu nghiên cứu.</p> <p>Có trình bày kết quả nghiên cứu</p>	<p>Dữ liệu và kết quả nghiên cứu không tương thích với mục tiêu</p>
3.4 Kết luận - ý nghĩa	10%	<p>Khái quát được kết quả nghiên cứu, mạch lạc rõ ràng cụ thể.</p> <p>Có thể khai thác các hướng nghiên cứu khác từ kết quả này.</p>	<p>Khái quát được kết quả nghiên cứu.</p> <p>Nghiên cứu ý nghĩa thực tiễn.</p>	<p>Khái quát được kết quả nghiên cứu.</p> <p>Nghiên cứu chưa có ý nghĩa thực tiễn.</p>	<p>Không khái quát được kết quả nghiên cứu.</p>
II	BÁO CÁO				

Báo cáo	100%	Tác phong chuẩn mực, tự tin, trình bày rõ ràng lưu loát. Slide báo cáo trình bày rõ ràng, logic, phản ánh cơ bản các nội dung báo cáo. Hiểu rõ vấn đề đang trình bày, trả lời chính xác câu hỏi.	Tác phong chuẩn mực, tự tin, trình bày rõ ràng lưu loát. Slide báo cáo dễ nhìn. Hiểu rõ vấn đề đang trình bày, trả lời chính xác 50% các câu hỏi.	Tác phong chuẩn mực. Slide báo cáo dễ nhìn. Hiểu rõ vấn đề đang trình bày trả lời chính xác < 50% các câu hỏi.	Tác phong không phù hợp. Slide báo cáo khó theo dõi. Không hiểu rõ nội dung trình bày, không trả lời các câu hỏi.

8. NỘI DUNG CTĐT

8.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 Tín chỉ (Bao gồm GCQP và GDTC)

TT	Nội dung	Khối lượng (Tín chỉ)	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương	26	2
2	Kiến thức cơ sở nhóm ngành	22	4
3	Kiến thức ngành	58	12
4	Khóa luận tốt nghiệp	12	
5	Tiểu luận tốt nghiệp	8	4
6	Thực tập tốt nghiệp	4	
	Tổng khối lượng chương trình	130	

8.2 Danh mục học phần

8.2.1 Kiến thức giáo dục đại cương:

STT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH
<i>Bắt buộc: 24TC</i>					
1	0301001769	Triết học Mác - Lênin	3	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
6	0301000946	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	4	
7	0301000947	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	4	
8	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền	1		1
	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá			
	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông			
9	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền	1		1
	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá			
	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông			
10	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền	1		1
	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá			
	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông			
11	0301000650	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	4	4
12	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2	
13	0301001673	Tin học căn bản	3		3
<i>Tự chọn: 2 TC</i>					
14	0301000643	Xã hội học đại cương	2	2	
15	0301000487	Tâm lí học đại cương	2	2	
16	0301000284	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	
		Tổng cộng	26+11		

8.2.2 Kiến thức cơ sở ngành:

STT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH
<i>Bắt buộc: 18 TC</i>					
17	0310002091	Nhập môn truyền thông đa phương tiện	2	2	

18	0310002184	Ngôn ngữ truyền thông	2	2	
19	0310002185	Mô hình truyền thông hội tụ	2	2	
20	0310002183	Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông	2	2	
21	0310000317	Mĩ học đại cương	2	2	
22	0310000060	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	
23	0310001603	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	
24	0310000549	Tiếng Việt thực hành	2	2	
25	0310001218	Quan hệ công chúng đại cương	2	2	

Tự chọn: 4 TC

26	0301002289	Cơ sở dữ liệu đa phương tiện	2	2	
27	0301000714	Văn học Việt Nam đại cương	2	2	
28	0301002290	Nguyên lí lí luận Văn học	2	2	
29	0301002203	Soạn thảo văn bản hành chính	2	2	
		Tổng cộng	22	22	

8.2.3 Kiến thức chuyên ngành

STT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH
<i>Bắt buộc: 58 TC</i>					
31	0310000568	Tổ chức sự kiện	2	1	1
32	0310002226	Tác phẩm và thể loại báo chí	2	2	
33	0310002291	Tin và cách viết tin đa phương tiện	2	1	1
34	0310002292	Kỹ năng thực hiện phóng sự theo hướng đa phương tiện	3	2	1
35	0310002228	Phòng vấn, ghi nhanh và tường thuật	3	2	1
36	0310002293	Phim tài liệu và kí sự truyền hình	3	2	1
37	0310002294	Dựng hình 2D - 3D	3	2	1
38	0310002295	Sản xuất chương trình Phát thanh theo hướng đa phương tiện	2	1	1
39	0310002296	Sản xuất chương trình Truyền hình theo hướng đa phương tiện	2	1	1
40	0310002297	Kỹ thuật quay phim, chụp ảnh và xử lí hậu kì	3	2	1

41	0310002225	Kỹ năng dẫn chương trình	2	1	1
42	0310002298	Kỹ năng làm báo điện tử theo hướng đa phương tiện	3	3	
43	0310000015	Biên tập văn bản báo chí	2	2	
44	0310001832	Truyền thông Marketing	3	2	1
45	0310002299	Thiết kế web	3	2	1
46	0310002300	Kỹ thuật photoshop	3	2	1
47	0310002229	Đổi thoại truyền hình	2	1	1
48	0310002301	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	3	2	1
49	0310002302	Thực tế - Truyền thông đa phương tiện	2		2
50	0310002303	Niên luận - Truyền thông đa phương tiện	2		2
51	0310002304	Truyền hình thực tế	2	1	1
52	0310002305	Anh văn chuyên ngành truyền thông	2	2	
53	0310002306	Biên tập Audio Video	2	2	
54	0310001832	Sản xuất chương trình livestream	2	1	1
<i>Tự chọn: 12 tín chỉ</i>					
55	0310002308	Thiết kế quảng cáo truyền hình	2	2	
56	0310002309	Thiết kế ấn phẩm báo chí	2	2	
57	0310002310	Kỹ năng sản xuất trailer	2	2	
58	0310002311	Kỹ thuật dựng phi tuyến	2	2	
59	0310002312	Kịch bản truyền hình	2	2	
60	0310002315	Tiếp thị số	2	2	
61	0310002313	Nghệ thuật chữ	2	2	
62	0310000333	Nghệ thuật quảng cáo	2	2	
63	0310002314	Marketing địa phương	2	2	
		Tổng cộng	70		

8.2.4 Tốt nghiệp

STT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH
<i>Bắt buộc: 4 TC</i>					
64	0301002316	Thực tập tốt nghiệp - TTĐPT	4		4
<i>* Tự chọn: 8 TC</i>					

65	0301002317	Khóa luận tốt nghiệp - TTĐPT	8		8
66	0301002318	Tiểu luận tốt nghiệp - TTĐPT	4		4
67	0301002319	Lập trình trò chơi đa phương tiện	2	2	
68	0301002320	Tổ chức và hoạt động của các cơ quan báo chí, truyền thông.	2	2	
69	0301002321	Kinh doanh xuất bản phẩm	2	2	
70	0301000461	Quản trị thương hiệu	2	2	
		Tổng cộng	12		

*** Ghi chú:**

- Sinh viên không thực hiện **Khóa luận tốt nghiệp** sẽ thực hiện **Tiểu luận tốt nghiệp (4 TC)** và học bổ sung 2 học phần (4 TC) trong danh mục các học phần tự chọn.
- 01 tín chỉ lý thuyết: 15 tiết; 01 tín chỉ thực hành: 30 tiết.

8.3 Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra

MSHP	Chuẩn đầu ra CTĐT															
	LO1	LO2	LO3	LO4	LO5	LO6	LO7	LO8	LO9	LO10	LO11	LO12	LO13	LO14	LO15	LO16
0301001769	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	2	1	1	2	2
0301001825	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	3	2	1	1	2	3
0301001826	1	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	3	2	1	1	2
0301001827	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	3	2	1	1	2	3
0301000665	1	2	2	2	2	3	2	2	2	2	3	2	1	1	2	3
0301000926	1	1	1	1	1	1	3	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301000927	3	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301000667	3	2	3	3	2	2	3	2	3	2	1	1	2	3	3	1
0301001673	3	3	2	3	3	2	2	2	2	3	2	1	1	3	3	1
0301001035	3	3	2	3	3	2	2	3	2	3	3	3	1	2	3	1
0301001036	1	3	1	3	3	2	3	2	2	2	2	3	1	2	3	1
0301001037	1	3	1	2	2	3	2	3	2	3	3	1	3	2	3	1
0301000660	1	2	1	3	3	2	3	2	2	3	2	3	1	3	2	2
0301001038	1	3	1	3	3	2	2	2	2	3	2	1	1	2	3	1
0301001039	1	3	1	3	3	2	2	2	2	3	2	3	1	2	3	1
0301001030	1	3	1	3	3	2	2	2	2	3	2	3	1	2	3	2
0301000661	3	3	2	3	3	3	2	2	2	3	2	3	1	2	3	1

0301000662	1	3	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2	2	3	1	2	2	3	2
0301000650	3	3	1	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2
0301000623	2	3	2	3	3	3	1	3	2	3	2	2	2	3	1	3	3	3	2
0301000287	3	2	3	1	2	3	2	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	1
0301000282	2	3	2	3	3	3	3	2	3	3	2	2	2	3	1	3	3	3	2
0301002091	3	3	3	3	3	3	2	3	2	3	2	2	2	3	1	2	2	2	1
0301002182	2	3	3	3	3	2	2	1	2	3	2	2	2	1	2	3	2	2	2
0301002185	1	3	3	3	3	3	2	3	2	2	2	2	2	3	1	3	3	3	2
0301002183	3	3	3	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	3	2	2	2	1	1
0301000317	2	3	2	3	3	2	2	2	3	3	2	2	2	3	1	3	3	3	2
0301000060	2	3	2	3	3	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	3	3	3	2
0301001603	3	3	2	3	3	2	2	2	2	3	2	2	2	3	2	2	2	3	1
0301000529	2	3	2	3	3	2	2	2	2	3	2	2	2	3	1	3	3	3	2
0301001218	3	3	2	3	3	2	2	2	2	3	2	2	2	3	1	2	2	3	1
0301002289	2	3	3	3	3	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	1	1
0301000712	3	2	3	3	2	3	3	2	3	2	1	1	1	1	2	3	3	3	2
0301002290	3	3	2	3	3	2	2	2	2	3	2	2	2	1	1	3	3	3	1
0301002203	3	3	2	3	2	2	2	3	2	3	3	2	2	3	1	2	2	3	1
0301000568	3	3	1	3	3	2	3	2	2	3	3	2	2	3	1	2	2	3	1
0301002226	2	3	1	2	2	3	2	3	2	1	3	3	3	1	3	2	2	3	1
0301002291	2	2	1	3	2	3	3	2	2	3	2	2	2	3	1	3	3	2	2
0301002292	2	3	1	3	2	2	2	2	2	3	2	2	2	1	1	2	2	3	1
0301002228	1	3	1	3	2	2	2	2	2	3	2	2	2	3	1	2	2	3	1

0301002293	3	2	3	3	2	2	3	2	2	3	2	2	3	2	2	3	1	2	3	3	1
0301002292	3	3	2	3	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	1	1	3	3	1
0301002295	3	3	2	3	2	2	3	3	2	2	3	2	2	3	2	3	1	1	2	3	2
0301002296	1	3	1	3	2	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2	3	1	1	2	3	1
0301002297	2	3	1	2	2	3	2	2	3	2	3	2	2	3	2	1	3	2	2	3	1
0301002225	2	2	1	3	2	2	3	3	2	2	3	2	2	3	2	3	1	1	3	2	2
0301002298	3	3	1	3	2	2	3	3	2	2	2	2	2	3	2	1	1	1	2	3	1
0301000015	3	3	1	3	2	2	3	3	2	2	2	2	2	3	2	3	1	1	2	3	1
0301001832	3	2	3	3	2	2	3	2	2	3	2	1	1	2	1	1	2	2	3	3	1
0301002299	3	3	2	3	2	2	3	3	2	2	2	2	2	3	2	1	1	1	3	3	1
0301002300	3	3	2	3	2	2	3	3	2	2	3	2	2	3	2	3	1	1	2	3	1
0301002229	1	3	2	3	2	2	3	3	2	2	2	2	2	3	2	3	1	1	2	3	1
0301002301	2	3	3	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2	3	2	1	3	1	2	3	1
0301002302	2	2	1	3	2	2	3	3	2	2	3	2	2	3	2	3	1	1	3	2	2
0301002303	2	3	2	3	2	2	3	3	2	2	2	2	2	3	2	1	1	1	2	3	1
0301002302	2	3	1	3	2	2	3	3	2	2	2	2	2	3	2	3	1	1	2	3	1
0301002305	3	2	3	3	2	2	3	2	2	2	2	1	1	2	1	2	1	2	3	3	1
0301002306	3	3	2	3	2	2	3	3	2	2	2	2	2	3	2	1	1	1	3	3	1
0301002307	3	3	2	3	2	2	3	3	2	2	3	2	2	3	2	3	1	1	2	3	1
0301002308	2	3	3	3	2	2	3	3	2	2	2	2	2	3	2	1	1	1	2	3	1
0301002309	1	3	2	2	2	3	2	2	3	2	3	3	3	1	1	3	1	3	2	3	1
0301002310	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2	3	2	1	1	1	3	2	2

0301002311	2	3	1	3	3	2	2	2	2	3	2	1	1	2	3	1
0301002312	3	3	3	3	2	2	2	2	2	3	2	3	1	2	3	1
0301002315	3	2	3	3	2	2	3	2	2	2	1	1	2	3	1	
0301002313	3	3	2	3	3	2	2	2	2	3	2	1	1	3	1	
0301000333	3	3	2	3	3	2	2	3	2	3	3	3	1	2	1	
0301002312	1	3	1	3	3	2	3	2	2	2	2	3	1	2	1	
0301002316	3	3	2	2	2	3	2	3	2	3	3	1	3	2	1	
0301002317	2	2	2	3	3	2	3	2	2	3	2	3	1	3	2	
0301002318	1	3	3	3	3	2	2	2	2	3	2	1	1	2	1	
0301002319	2	3	3	3	3	2	2	2	2	3	2	3	1	2	1	
0301002320	2	2	3	2	2	1	2	3	2	2	3	2	2	2	1	
0301002321	2	2	3	3	2	3	2	3	2	3	2	2	3	3	2	
0301000261	3	2	2	3	3	2	2	2	3	3	3	2	2	2	1	

**8.4 SƠ ĐỒ CTĐT NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN
CTĐT TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

Không tham gia tính điểm trung bình		Học phần tự chọn (Tự chọn)		Đại cương		Ngành	
HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	
Pháp luật đại cương (2TC)	Triết học Mác-Lênin (3TC)	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC)	Lịch sử Đảng ĐCSVN (2TC)	Tư tưởng HCM (2TC)	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động (2TC)	Thực tập tốt nghiệp (4TC)	
Tin học căn bản (4TC)	Giáo dục Quốc phòng- An ninh (8TC)	Văn học Việt Nam đại cương.	Kỹ thuật quay phim, chụp ảnh và xử lý hậu kỳ (3TC)	Biên tập Audio (2TC)	Kỹ năng làm báo điện tử theo hướng đa phương tiện (3TC)	Khóa luận tốt nghiệp (8TC)	
Giáo dục thế chất 1 (1TC)	Giáo dục thế chất 2 (1TC)	Nguyên lý luận Văn học (2TC)	Tin và cách viết tin đa phương tiện (2TC)	Sản xuất chương trình phát thanh theo hướng đa phương tiện (2TC)	Phim tài liệu và kỹ sự truyền hình (2TC)	Tiểu luận tốt nghiệp (4 TC)	
Tiếng Việt thực hành (2TC)	Ngôn ngữ truyền thông (2TC)	Soạn thảo văn bản hành chính (2TC)	Đổi thoại truyền hình (2TC)	Niên luận- Truyền Thông ĐPT (2TC)	Thiết kế web (2TC)	Lập trình trò chơi đa phương tiện (2TC)	
Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC)	Mĩ học đại cương (2TC)	Giáo dục thế chất 3 (1TC)	Kỹ thuật photoshop (2TC)	Ảnh văn chuyên ngành (2TC)	Thực tế - Truyền thông đa phương tiện (2TC)	Tổ chức và hoạt động của các cơ quan báo chí, truyền thông (2TC)	
Nhập môn truyền thông ĐPT (2TC)	Quan hệ công chúng đại cương (2TC)	Kỹ năng dẫn chương trình (2TC)	Kỹ năng thực hiện phòng sự theo hướng đa phương tiện (2TC)	Sản xuất chương trình livestream (2TC)	Truyền hình thực tế (2TC)	Kinh doanh xuất bản phẩm (2TC)	
Xã hội học đại cương (2TC)	Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông (2TC)	Tổ chức sự kiện (2TC)	Nghệ thuật quảng cáo (2TC)	Biên tập báo chí (2TC)	Truyền thông marketing (2TC)	Quan trị thương hiệu (2TC)	
Tâm lý học đại cương (2TC)	Tác phẩm và thể loại báo chí (2TC)	Phong văn, ghi nhanh và trường thuật (3TC)	Marketing địa phương (2TC)		Thiết kế ấn phẩm báo chí (2TC)		
Lịch sử văn minh thế giới (2TC)	Tiếng Anh định hướng ToEIC 1 (4TC)	Phương pháp NCKH (2TC)	Nghệ thuật chữ (2TC)		Tiếp thị số (2TC)		

9. Kế hoạch giảng dạy:

TT	Tên học phần	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
HỌC KỲ 1: 11 TC						
Bắt buộc: 22						
1	Pháp luật đại cương	2	2		30	
2	Giáo dục thể chất 1(*)	1	1			30
3	Tin học căn bản	3	3			
4	Tiếng Việt thực hành	2	2		30	
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2		30	
6	Nhập môn truyền thông ĐPT	2	2		30	
7	Xã hội học đại cương	2	2			
8	Tâm lí học đại cương	2				
9	Lịch sử văn minh thế giới	2				
	Cộng	13+1	18			
HỌC KỲ 2: 21						
Bắt buộc: 17 TC						
1	Triết học Mác - Lênin	3	3		30	
2	Giáo dục Quốc phòng- An ninh	8	8		60	120
3	Giáo dục thể chất 2(*)	1		1		30
4	Ngôn ngữ truyền thông	2	2		30	
5	Mĩ học đại cương	2	2		30	
6	Quan hệ công chúng đại cương	2	2		30	
7	Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông	2	2		30	
8	Mô hình truyền thông hội tụ	2	2		30	
9	Tác phẩm và thể loại báo chí	2	2		30	
10	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	4		60	
	Cộng	19+9	19			
HỌC KỲ 3: 21 TC						
Bắt buộc: 19 TC						
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30	

3	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	4		60	
4	Giáo dục thể chất 3(*)	1	1			30
5	Kỹ năng dẫn chương trình	2	2		15	30
6	Tổ chức sự kiện	2	2		15	30
7	Phòng vấn, ghi nhanh và tường thuật	3	3		45	
8	Phương pháp NCKH	2	2		30	
Tự chọn: 4 TC						
8	Cơ sở dữ liệu đa phương tiện	2		2	30	
9	Văn học Việt Nam đại cương	2		2	30	
10	Nguyên lí lí luận Văn học	2		2	30	
11	Soạn thảo văn bản hành chính	2		2	30	
	Cộng	21+1	16	5		
HỌC KỲ 4: 21 TC						
Bắt buộc: 17 TC						
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30	
2	Kỹ thuật quay phim, chụp ảnh và xử lí hậu kì	3	3		30	30
3	Tin và cách viết tin đa phương tiện	2	2		15	30
4	Đổi thoại truyền hình	2	2		15	30
5	Kỹ thuật photoshop	3	3		15	60
6	Kỹ năng thực hiện phóng sự theo hướng đa phương tiện	3	3		30	30
7	Sản xuất chương trình phát thanh theo hướng đa phương tiện	2	2		15	30
Tự chọn: 4 TC						
8	Nghệ thuật quảng cáo	2		2	30	
9	Marketing địa phương	2		2	30	
10	Nghệ thuật chữ	2		2	30	
	Cộng	21	17	4	210	150
HỌC KỲ 5:						
Bắt buộc: 15 TC						
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	
2	Biên tập Audio	2	2		30	
3	Dựng hình 2D-3D	3	3		30	30

4	Sản xuất chương trình truyền hình theo hướng đa phương tiện	2	2		15	30
5	Niên luận - Truyền thông ĐPT	2	2			30
6	Anh văn chuyên ngành	2	2			
7	Sản xuất chương trình livestream	2	2		15	30
8	Biên tập văn bản báo chí	2	2		30	
Tự chọn: 6 TC						
8	Kỹ thuật dựng phi tuyến	2		2	30	
9	Kỹ năng sản xuất trailer	2		2	30	
10	Thiết kế quảng cáo truyền hình	2		2	30	
11	Kịch bản truyền hình	2		2	30	
12	Quay phim và chụp ảnh nâng cao	2		2	30	
	Cộng	23	15	6		
HỌC KỲ 6						
Bắt buộc: 15 TC						
1	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	3	3		30	30
2	Kỹ năng làm báo điện tử theo hướng đa phương tiện	3	3		45	
3	Phim tài liệu và kí sự truyền hình	3	3		30	30
4	Thiết kế web	3	3		30	30
5	Thực tế - Truyền thông đa phương tiện	2	2			60
6	Truyền hình thực tế	2	2		15	30
7	Truyền thông marketing	3	3		30	30
Tự chọn: 2 TC						
8	Thiết kế ấn phẩm báo chí	2		2	30	
9	Tiếp thị số	2		2		
	Cộng	23	20	2		
HỌC KỲ 7: 12 TC						
1	Thực tập tốt nghiệp	4	4			120
3	Khoá luận tốt nghiệp	8		8		240
4	Tiểu luận tốt nghiệp	4		4		120
5	Lập trình trò chơi đa phương tiện	2		2	15	30

6	Tổ chức và hoạt động của các cơ quan báo chí, truyền thông	2		2		
7	Kinh doanh xuất bản phẩm	2		2		
8	Quản trị thương hiệu	2		2		
	Cộng	12	4	8		

Ghi chú: *: Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy.

10. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN: 74 HỌC PHẦN

10.1. Triết học Mác - Lênin

Học phần những nguyên lý cơ bản của triết học Mác - Lênin cung cấp cho người học thế giới quan và phương pháp luận triết học đúng đắn thông qua những nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; Trình bày hệ thống quan niệm của triết học Mác - Lênin về tự nhiên, xã hội và con người, mối quan hệ giữa tự nhiên, xã hội và con người; những quy luật chung nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và của tư duy con người. Lý luận của triết học Mác - Lênin về hình thái kinh tế - xã hội, về giai cấp, đấu tranh giai cấp giải phóng con người, về dân tộc, cách mạng xã hội, vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân lãnh tụ trong lịch sử.

10.2 Kinh tế chính trị Mác-Lenin

Cung cấp cho sinh viên một cách tương đối hệ thống, có chọn lọc những kiến thức cơ bản của môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Trên cơ sở đó, hiểu được các quan điểm của Đảng về đường lối, chính sách kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta, góp phần xây dựng, củng cố lòng tin vào Đảng và chế độ XHCN ở nước ta. Tiếp tục bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận và tư duy kinh tế, bước đầu biết vận dụng kiến thức kinh tế chính trị vào việc phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội và thực tiễn đất nước.

Những nội dung cơ bản về lý luận kinh tế chính trị: Nguồn gốc, quá trình hình thành kinh tế chính trị Mác - Lênin; Lý luận về hàng hóa - tiền tệ và giá trị thặng dư; về chủ nghĩa tư bản hiện đại. Các nội dung của kinh tế chính trị thời kỳ quá độ ở Việt Nam: Thời kỳ quá độ và các nội dung nhiệm vụ kinh tế - chính trị, sự vận dụng của Đảng và Nhà nước ta đối với các nhiệm vụ, nội dung của thời kỳ quá độ.

10.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Nội dung học phần trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc

nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học như; Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, nghiên cứu vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; những vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

10.4 Lịch sử Đảng CSVN

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Từ những kiến thức cơ bản đó, sinh viên có kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử. Đồng thời, sinh viên có thể vận dụng được những kiến thức về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam để chủ động, tích cực giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội quan trọng theo chủ trương, chính sách của Đảng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Học phần bao gồm chương mở đầu, chương 1, chương 2, chương 3 và phần kết luận, đề cập những tri thức khoa học về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1975-2018); một số bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng. Qua đó khẳng định thành công, ưu điểm, nêu lên hạn chế, kinh nghiệm trong tiến trình lãnh đạo cách mạng của Đảng

10.5 Tư tưởng HCM

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới. Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam

10.6 Tiếng anh định hướng ToEIC 1

Giúp cho người học ôn lại những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, sử dụng trong giao tiếp hằng ngày. Các kỹ năng nghe – nói – đọc – viết ở trình độ sơ cấp, các kỹ năng phụ như từ vựng, phát âm.

10.7 Tiếng anh định hướng Toeic 2

Giúp cho người học ôn lại những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, sử dụng trong giao tiếp hằng ngày. Các kỹ năng nghe – nói – đọc – viết ở trình độ sơ cấp, các kỹ năng phụ như từ vựng, phát âm. Giúp cho SV làm quen với hình thức đề thi Toeic quốc tế.

10.8 Pháp luật đại cương

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Nhà nước và Pháp luật, quy phạm pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật; hiện tượng vi phạm pháp luật và biện pháp cưỡng chế đối với các chủ thể vi phạm pháp luật; nội dung các ngành luật cơ bản và quan trọng của nhà nước Việt Nam hiện nay.

10.9 Tin học căn bản

Học phần cung cấp các kỹ năng tối thiểu cần thiết để có thể sử dụng máy vi tính vào công việc của người giáo viên và của người sinh viên sư phạm, có thể tiếp thu nhanh chóng và sử dụng được các phần mềm dạy học (ví dụ : các chương trình thí nghiệm ảo, chương trình hỗ trợ vẽ hình, các chương trình multimedia...). Tập trung vào các kỹ năng như sử dụng máy vi tính để soạn thảo giáo án, luận văn, tiểu luận, truy tìm các thông tin bổ sung cho bài giảng, luận văn, tiểu luận thông qua Internet và thư viện điện tử, để trình chiếu bài giảng, luận văn, quản lý điểm của học sinh, thực hiện, và các tính toán thống kê đơn giản.

10.10 Giáo dục thể chất 1 – Bóng chuyền

Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác. Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài.

10.11 Giáo dục thể chất 1 – Cầu lông

Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thế giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông cơ bản sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật như di chuyển đơn bước và đa bước, kỹ thuật giao cầu trái tay, kỹ thuật phòng thủ cơ bản... Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn cầu lông

10.12 Giáo dục thể chất 1 – Bóng đá

Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, chuyền bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn bóng đá.

10.13 Giáo dục thể chất 2 – Bóng chuyền

Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác. - Lý thuyết: Hiểu được lịch sử phát triển và luật thi đấu của môn bóng chuyền

10.14 Giáo dục thể chất 2 – Cầu lông

Giúp cho sinh viên giúp có thể thực hành một số kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông như: Đánh cầu thuận tay cao sâu, đập cầu. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện

10.15 Giáo dục thể chất 2 – Bóng đá

Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, nhận bóng, chụp bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và luật thi đấu môn bóng đá

10.16 Giáo dục thể chất 3 – Bóng chuyền

Kỹ năng thực hành: Phát triển hoàn thiện kỹ thuật đập bóng cơ bản, hình thức thi đấu, khả năng tổ chức và điều hành trận đấu. Lý thuyết: Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài.

10.17 Giáo dục thể chất 3 – Cầu lông

Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thế giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông nâng cao 2 sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật đã học đồng thời hoàn thiện các kỹ thuật đó và có thể thi đấu nâng cao trình độ kỹ thuật. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức rõ hơn

về luật thi đấu môn cầu lông.

10.18 Giáo dục thể chất 3 – Bóng đá

Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, ném biên. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng đá.

10.19 Giáo dục quốc phòng an ninh

Giáo dục hiểu rõ nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc xây dựng nền quốc phòng toàn dân là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của nước ta hiện nay, về chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Một số vấn đề tư duy lý luận trong đường lối quân sự của Đảng. Một số nội dung cơ bản về công tác quốc phòng, về nghệ thuật quân sự Việt nam, thực hành một số kỹ năng quân sự cần thiết về kỹ thuật và chiến lược. Rèn luyện tác phong, nếp sống tập thể có kỷ luật.

10.20 Xã hội học đại cương

Học phần nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.

10.21 Tâm lý học đại cương

Nội dung chương trình Tâm lý học đại cương bao gồm: Những vấn đề khái quát về tâm lý học với tư cách là một khoa học; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý – ý thức; hoạt động nhận thức; ngôn ngữ và nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách và các thuộc tính tâm lý của nhân cách.

10.22 Lịch sử văn minh thế giới

Trang bị kiến thức cơ bản về những thành tựu chủ yếu về văn hóa vật chất và tinh thần của những nền văn minh lớn trong lịch sử loài người từ thời cổ đại đến thế kỷ XX. Phần văn minh phương Đông sẽ được trình bày những thành tựu của các nền văn minh và sự đóng góp của họ vào nền văn minh nhân loại. Phần văn minh phương Tây trình bày quá trình phát triển của các thành tựu văn minh phương Tây qua các thời kỳ lịch sử. Nội dung được trình bày một cách khoa học về những điều kiện hình thành nền văn minh, sơ lược lịch sử thành lập, những thành tựu văn minh.

10.23 Nhập môn truyền thông đa phương tiện

Môn học cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về truyền thông và truyền thông đại chúng; về báo chí và các loại hình báo chí, về các phương tiện, hình thức hoạt động và lịch sử phát triển của các phương tiện truyền thông đại chúng

Quan niệm chung về báo chí; Báo chí với chức năng, vai trò, vị trí của nó trong xã hội, những đặc thù của báo chí và nhà báo trong mối quan hệ với các hình thái ý thức xã hội khác; các nguyên tắc hoạt động báo chí, đặc trưng lao động của nhà báo và các vấn đề quan yếu như tính hiệu quả của báo chí, tự do báo chí, xu hướng phát triển báo chí...

Đây là môn học nền tảng nhằm trang bị người học hệ kiến thức chuyên nghiệp làm cơ sở tiếp nhận những kiến thức và kỹ năng cơ bản, hệ thống về lĩnh vực được đào tạo báo chí truyền thông, PR...

10.24 Ngôn ngữ truyền thông

Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống và có tính liên ngành về truyền thông, tiếp thị và mối quan hệ giữa ngôn ngữ với những địa hạt trên để từ đó người học có những kiến thức cần thiết trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

10.25 Mô hình truyền thông hội tụ

Sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật đã mang đến cho ngành truyền thông những công cụ cũng như phương thức truyền thông tiên tiến vượt trội, đồng thời cũng đòi hỏi ngành truyền thông phải có sự chuyển mình để phù hợp với bước tiến vũ bão của nó. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về xu thế phát triển tất yếu của ngành truyền thông hiện đại, tiến trình đó đến sớm hay muộn tùy thuộc vào từng quốc gia. Từ việc hiểu sinh viên sẽ nhận ra được điều đó có tác động, đặt ra những bài toán gì đối với các cơ quan và người công tác trong ngành truyền thông hiện đại. Chuyển mình để hòa nhập hay đứng bên lề để bị tụt hậu, làm thế nào để sản xuất ra các sản phẩm truyền thông hội tụ chất lượng, phù hợp với nhu cầu của công chúng là các kiến thức sinh viên sẽ được trang bị qua học phần này.

10.26 Pháp luật đạo đức báo chí truyền thông

Môn học *Pháp luật và Đạo đức báo chí truyền thông* trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống pháp luật về báo chí truyền thông như: khái niệm, nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản... Đồng thời cung cấp những quy định về đạo đức nghề nghiệp của nhà báo Việt Nam như quy tắc, chuẩn mực quy định thái độ và hành vi của nhà báo vì mục tiêu “ dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh” trong bối cảnh xã hội Việt Nam phát triển năng động, nhiều nguồn thông tin đa chiều,...; Môn học cũng giúp người học hiểu biết, vận dụng và thực hiện hài hòa mỗi

quan hệ giữa đạo đức và pháp luật báo chí truyền thông trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp.

10.27 Mĩ học đại cương

Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về Mĩ học đại cương như: khái niệm, đối tượng, chức năng, đặc điểm chủ thể thẩm mĩ, khách thể thẩm mĩ, mối quan hệ của nghệ thuật và hiện thực, nội dung và hình thức của nghệ thuật,... Trên cơ sở đó, trình bày những kiến thức cơ bản nhất về những đặc điểm cơ bản nhất của chủ thể nhận thức, khách thể trong mối tương quan của chúng, đồng thời lí giải được những quy luật cơ bản nhất của nghệ thuật và hiện thực.

10.28 Cơ sở văn hóa Việt Nam

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cần thiết cho việc hiểu về một nền văn hóa nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng, từ đó có nhận thức đúng đắn về văn hoá, về vai trò của văn hoá trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc cũng như đối với sự phát triển của quốc gia.

10.29 Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần sẽ cung cấp các kiến thức khái quát về các bước cơ bản trong nghiên cứu khoa học: khái niệm, các loại hình nghiên cứu, mục đích, các giai đoạn tiến hành, xử lý tài liệu, viết công trình nghiên cứu; Trình bày và trình diễn kết quả nghiên cứu: báo cáo khoa học, tóm tắt báo cáo khoa học, PowerPoint và trình diễn, báo cáo khoa học, công bố công trình, tạp chí khoa học, hội nghị khoa học.

10.30 Tiếng việt thực hành

Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về các loại lỗi và cách sửa các lỗi thường gặp: lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu tạo lập đoạn văn, tóm tắt văn bản, tạo lập đề cương văn bản.

10.31 Quan hệ công chúng đại cương

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương và kỹ thuật cơ bản về quan hệ công chúng. Các nội dung chủ yếu bao gồm: Định nghĩa, lịch sử ra đời, vai trò, phân biệt PR với quảng cáo, các yêu cầu đối với người làm PR; các hoạt động PR nội bộ, quan hệ với cộng đồng, mối quan hệ với giới truyền thông; cách tổ chức họp báo, cách tổ chức hội nghị khách hàng, cách viết thông cáo báo chí; quản trị khủng hoảng, cách hoạch định chiến lược PR cho tổ chức.

10.32 Cơ sở dữ liệu đa phương tiện

Học phần trước tiên trình bày các khái niệm cơ bản về đa phương tiện, cơ sở dữ liệu đa phương tiện và các ứng dụng đa phương tiện. Tiếp theo, học phần trình bày

các dữ liệu đa phương tiện: image, text, audio và video. Sau cùng, học phần trình bày kiến thức tổng thể của một cơ sở dữ liệu đa phương tiện.

10.33 Văn học Việt nam đại cương

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương và có hệ thống về văn học Việt Nam. Qua môn học, sinh viên có những kiến thức cần thiết về văn học sử phục vụ cho công việc của ngành du lịch; đồng thời có ý thức trân trọng, bảo vệ những giá trị văn hoá của dân tộc.

10.34 Nguyên lí lí luận văn học

Cung cấp cho sinh viên ngành những kiến thức cơ bản và có hệ thống về những nguyên lý về lý luận văn học. Có khả năng vận dụng những nguyên lý lý luận văn học vào những hiện tượng văn học cụ thể để khám phá và nhận thức được những đặc điểm và giá trị của tác phẩm văn chương.

10.35 Soạn thảo văn bản hành chính

Nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.

10.36. Tổ chức sự kiện

Học phần sẽ cung cấp các kiến thức khái quát về truyền thông hội tụ, các mô hình truyền thông hội tụ tại các cơ quan báo chí trên thế giới và tại Việt Nam, mô hình tòa soạn hội tụ vận hành như thế nào và vai trò của người làm báo ra sao trong mô hình hội tụ đó.

Ngoài ra, học phần cũng đề cập đến những thách thức đối với truyền thông hiện đại, sự vận động và phát triển của báo chí hiện đại trong môi trường truyền thông hội tụ, sử dụng truyền thông xã hội cho báo chí hiện đại.

10.37. Tác phẩm và loại thể báo chí

Môn học đi vào những vấn đề lý luận về tác phẩm báo chí (đặc điểm nội dung, hình thức của tác phẩm báo chí, tiêu chí đánh giá chất lượng tác phẩm báo chí...) và những vấn đề về thể loại báo chí (tiêu chí nhận diện thể loại, cách phân chia loại và thể loại tác phẩm báo chí, các nhóm thể loại báo chí cơ bản (thông tấn, ký, chính luận). Môn học cũng đi vào nghiên cứu đặc điểm của tác phẩm báo chí (cấu trúc và tổ chức tác phẩm, các thể loại diễn hình, cách thể hiện tác phẩm...) trên các loại hình báo in,

báo nói, báo hình, báo trực tuyến.

10.38 Tin và cách viết tin đa phương tiện

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản về tin tức và thông tin truyền thông đa phương tiện. Gồm các khái niệm, các dạng tin, cách quan sát, thu thập, khai thác thông tin, phương pháp xử lý nguồn tin, cấu trúc của tin; cách viết và ứng dụng đa phương tiện trong các thể loại tin báo chí. Môn học còn hướng dẫn sinh viên cách khai thác và làm mới thông tin.

10.39 Kỹ năng thực hiện phóng sự theo hướng đa phương tiện

Học phần trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về phóng sự, những yêu cầu cũng như những kỹ năng khi thực hiện phóng sự. Đặc biệt là những kỹ năng khi thực hiện phóng sự theo hướng đa phương tiện. Từ lý thuyết áp dụng vào thực hành một số dạng phóng sự tiêu biểu.

10.40. Phỏng vấn ghi nhanh và tường thuật

Học phần sẽ cung cấp các kiến thức khái quát về 3 thể loại báo chí: phỏng vấn, ghi nhanh, tường thuật. Cùng với đó, sẽ đi sâu vào việc áp dụng các thể loại này trong lĩnh vực truyền hình. Mỗi thể loại đều có các bài tập thực hành được “giả định” như tại các cơ quan báo chí thực sự với các yêu cầu cao về: thời gian thực hiện, cách thức thể hiện, phương tiện để thể hiện,... Tất cả nhằm mục đích để sinh viên được làm việc trong một môi trường báo chí thực sự.

10.41. Phim tài liệu và ký sự truyền hình

Phim tài liệu và ký sự truyền hình là thể loại báo chí có sức mạnh đặc biệt trong việc tác động vào công chúng bằng các nhân vật, sự kiện, sự việc có thật. Học phần không chỉ giúp cho sinh viên hiểu được các khái niệm mà còn thực hiện được một tác phẩm hoàn chỉnh với thể loại phim tài liệu hoặc ký sự truyền hình.

10.42. Dựng hình 2D – 3D

Học phần giúp cho SV có kiến thức và kỹ năng dựng hình 2D-3D như: nguyên tắc cơ bản trong đồ họa 2D-3D; các đối tượng trong môi trường 2D-3D; thực hiện các chương trình đồ họa 2D-3D cơ bản. Thông qua hệ thống các bài tập, giúp SV có thể tự nghiên cứu và ứng dụng vào các học phần khác

10.43. Sản xuất chương trình phát thanh theo hướng đa phương tiện

Học phần gồm 2 phần chính. Phần lý thuyết sẽ tìm hiểu về tiến trình phát triển của báo phát thanh trên phạm vi thế giới và ở Việt Nam, đặc biệt đi sâu vào tìm hiểu lịch sử của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh – Truyền hình Cần Thơ. Cùng với đó là tìm hiểu cơ cấu tổ chức của các đài phát thanh tiêu biểu để có cái nhìn tổng

quát về một cơ quan báo chí phát thanh thực tế. Các kỹ năng cơ bản trong sản xuất tin, bài cũng sẽ được ôn tập lại theo hướng viết cho lĩnh vực báo chí phát thanh trên cơ sở áp dụng các nền tảng công nghệ đa phương tiện. Phần thực hành, sinh viên sẽ tham gia sản xuất các dạng tin, bài khác nhau để từ đó nâng lên thành một chương trình thời sự phát thanh 30 phút

10.44. Sản xuất chương trình truyền hình theo hướng đa phương tiện

Phần lý thuyết tập trung vào 3 nội dung: lịch sử hình thành, hệ thống các kỹ năng viết tin bài và tìm hiểu các nền tảng để phát triển truyền hình theo hướng đa phương tiện. Phần thực hành sẽ luyện tập cho sinh viên cách viết các thể loại báo chí truyền hình kết hợp với công tác biên tập, dựng hậu kỳ để có mooth sản phẩm hoàn chỉnh. Từ đó, tạo cơ sở để sinh viên hoàn thành bài tập nhóm là biên tập, sản xuất chương trình từ ngắn đến dài

10.45. Kỹ thuật quay phim, chụp ảnh và xử lý hậu kỳ

Học phần giúp người học nắm được những cấu tạo cơ bản của máy ảnh cũng như các thiết bị máy quay phim kỹ thuật số; các nguyên tắc cơ bản trong kỹ thuật nhiếp ảnh, nghệ thuật chụp ảnh; nắm được các kỹ thuật quay phim, xây dựng kịch bản phim. Ngoài ra, học phần còn giúp người học biết cách xử lý hình ảnh bằng photoshop, ứng dụng những kỹ thuật photoshop trong nhiếp ảnh.

10.46. Kỹ năng dẫn chương trình

Học phần giúp sinh viên hiểu được những yêu cầu cơ bản đối với người dẫn chương trình, nhiệm vụ của người dẫn chương trình. Tiếp theo là các bước chuẩn bị để dẫn một chương trình. Phương pháp viết lời dẫn, nghệ thuật đặt câu hỏi, phong cách dẫn. Cách sửa những lỗi phát âm thường gặp

10.47. Kỹ năng làm báo điện tử theo hướng đa phương tiện

Phần thứ nhất của học phần đi vào tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của báo điện tử trên thế giới và Việt Nam, những ưu thế của báo điện tử và những tồn tại mà báo điện tử đang phải đối mặt và báo điện tử cần phải làm gì trước sự phát triển của mạng xã hội. Phần thứ hai, sinh viên sẽ được thực hành các kỹ năng sản xuất báo điện tử, tiếp cận các nền tảng phát triển báo điện tử theo hướng đa phương tiện thông qua việc tổ chức lớp học thành một tòa soạn hội tụ báo điện tử được thiết lập giả định sát với mô hình thực tế.

10.48. Biên tập văn bản báo chí

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về công tác biên tập; phân tích được mối quan hệ của biên tập với các bộ phận khác trong tòa soạn. Từ đó hình thành kỹ năng đọc và phân tích tác phẩm truyền thông một cách có ý thức

10.49. Truyền thông marketing

Học phần tập trung nghiên cứu nhưng vẫn đề thuộc về bản chất của hoạt động truyền thông marketing bao gồm: bản chất, những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình truyền thông marketing. Nghiên cứu quy trình xây dựng và quản lý hoạt động truyền thông; nội dung và phương pháp xác định ngân sách cho hoạt động truyền thông.

10.50. Thiết kế web

Học phần tập trung nghiên cứu những Kiến thức cơ bản về cấu trúc một hệ thống website, Hiểu được nguyên tắc thiết kế được một website tĩnh cho cá nhân hay tổ chức và biết cách quản lý và xuất bản website lên internet, mục đích của website cần thiết kế và chiến lược thiết kế, Đăng kí và cách quản lý website trên host.

10.51. Kỹ thuật photoshop

Học phần xử lý ảnh với photoshop để phục vụ ngành sau in, quảng cáo, truyền thông. Bao gồm: 6 chương lý thuyết và 6 bài thực hành, hai học phần này hỗ trợ cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vùng chọn ảnh số, vẽ hình, tô màu, sử dụng các hiệu ứng và bộ lọc ảnh, các phương pháp ghép ảnh, tạo chữ nghệ thuật, tạo ảnh động, các phương pháp xuất bản ảnh

10.52. Đối thoại truyền hình

Học phần sẽ cung cấp các kiến thức khái quát về chương trình đối thoại nói chung và đối thoại truyền hình nói riêng. Đối thoại và phỏng vấn có những nét tương đồng và khác biệt với nhau thế nào. Thông qua các tư liệu về các chương trình đối thoại tiêu biểu sinh viên sẽ hiểu rõ các đặc trưng của đối thoại truyền hình và các dạng chương trình đối thoại khác nhau. Một nội dung rất quan trọng của học phần chính là việc hướng dẫn sinh viên các bước tiến hành sản xuất một chương trình đối thoại hoàn chỉnh. Từ đó, sinh viên sẽ đảm nhận các công đoạn và sản xuất một chương trình đối thoại truyền hình như một bài thi kết thúc học phần

10.53. Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động

Học phần cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về lập trình trên máy tính. Sử dụng hiệu quả các điều khiển trong thiết kế giao diện với các Layout thông dụng .Phát triển kỹ năng phân tích và phát triển ứng dụng trên thiết bị di động. Tạo ứng dụng thực tiễn cho thiết bị di động. Đặc biệt là lập trình xử lý sự kiện trên thiết bị di động.

10.54. Thực tế - truyền thông đa phương tiện

Học phần Thực tế nhằm tạo cơ hội cho sinh viên có cơ hội tham quan trực tiếp tại cơ quan, để có thể tìm hiểu và học hỏi kinh nghiệm về các nội quy công ty, quy

trình hoạt động của các tổ chức cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp tư nhân. Từ đó, sinh viên có thể nắm được những kiến thức cơ bản về thực tế tại các cơ quan đang hoạt động trong ngành truyền thông; sinh viên cũng có thể bổ sung, cập nhật thêm kiến thức mới từ việc tiếp cận trực tiếp với hoạt động thực tế.

10.55. Niên luận – Truyền thông đa phương tiện

10.56. Truyền hình thực tế

Học phần sẽ cung cấp các kiến thức khái quát nhất: khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển của truyền hình thực tế; giới thiệu và phân tích các chương trình truyền hình thực tế (THTT) tiêu biểu và có sức ảnh hưởng trên thế giới; truyền hình thực tế tại Việt Nam và sự ảnh hưởng của nó đối với đời sống giải trí của người Việt và cả những “hạn chế” còn tồn tại trong các chương trình ở nước ta.

Học phần còn hướng dẫn sinh viên hoàn thành những format chương trình truyền hình thực tế, từ những ý tưởng sơ khai ban đầu phát triển thành một chương trình hoàn chỉnh và có khả năng đưa vào sản xuất. Trình bày và trình diễn format bằng PowerPoint và tổ chức sản xuất chương trình

10.57. Anh văn chuyên ngành truyền thông

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng đọc, khai thác và thảo luận các bài đọc, bài bình luận, báo cáo. Trang bị cho sinh viên lượng từ vựng và cấu trúc câu sử dụng trong tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông. Luyện các kỹ năng Đọc, Viết về các chủ điểm liên quan đến lĩnh vực chuyên môn trên. Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể đọc hiểu các văn bản chuyên ngành, liên quan thông tin và truyền thông, lịch sử truyền thông, thể loại báo chí, truyền thông đại chúng qua thuật ngữ Tiếng Anh

10.58. Biên tập audio video

Môn học giới thiệu và trang bị cho sinh viên các khái niệm, các kiến thức cơ bản về Audio và Video, các bước cơ bản trong sản xuất hậu kỳ, cách hiệu chỉnh audio, chỉnh sửa video và biên tập video thành một sản phẩm hoàn chỉnh. Với các kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể thực hiện biên tập âm thanh và hình ảnh, sử dụng các hiệu ứng cần thiết để chỉnh sửa các đoạn clip cá nhân, đoạn phim tư liệu, tài liệu...theo nội dung kịch bản

10.59. Sản xuất chương trình livestream

Phần lý thuyết tập trung vào 3 nội dung: kỹ thuật livestream, xây dựng nội dung livestream và những nguyên tắc tổ chức livestream hiệu quả. Từ đó, tạo cơ sở để sinh viên hoàn thành bài tập nhóm livestream 1 chương trình trên facebook.

10.60. Thiết kế quảng cáo truyền hình

Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về quảng cáo (định nghĩa, vai trò, chức năng, lịch sử của quảng cáo, vấn đề về văn hóa và đạo đức trong quảng cáo); đặc điểm của quảng cáo trên truyền hình; vai trò của công ti quảng cáo và loại hình các công ti quảng cáo; quảng cáo ở Việt Nam. Từ đó , hướng dẫn sinh viên cách tổ chức và thiết kế những quảng cáo truyền hình.

10.61. Thiết kế ấn phẩm báo chí

Học phần chủ yếu hướng dẫn SV các yếu tố về mặt hình thức của một trang báo (khổ báo, nền, chữ, khung, màu sắc..). Ngoài ra, giúp SV nắm được quy tắc trình bày một bài báo theo cách cơ bản. Hiểu cách sử dụng chữ trong thiết kế và trình bày ấn phẩm báo chí. Hiểu được các quy tắc phối màu cơ bản trong thiết kế trình bày báo chí.

10.62. Kỹ năng sản xuất trailer

Cung cấp các kiến thức khái quát nhất: khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển của trailer, các thể loại trailer khác nhau; những kỹ năng phân tích hình ảnh, âm thanh, nội dung, thao tác, sử dụng phần mềm trong dựng trailer. Học phần không chỉ có lý thuyết mà có cả thực hành khi sinh viên phải hoàn thành một sản phẩm trailer với yêu cầu của các cơ quan báo chí hiện nay.

10.63. Kỹ thuật dựng phi tuyến

Học phần sẽ cung cấp các kiến thức khái quát, những thao tác, các bước sử dụng cơ bản, cần thiết nhất trong kỹ thuật dựng phi tuyến bằng phần mềm Adobe Premiere. Ngoài ra còn có các kỹ năng để công tác dựng phim trở nên chuyên nghiệp, tiếp cận gần hơn với tiêu chuẩn của truyền hình hiện đại ngày nay. Học phần không chỉ có lý thuyết mà có cả thực hành khi sinh viên phải hoàn thành một sản phẩm với yêu cầu của các cơ quan báo chí hiện nay

10.67. Kịch bản truyền hình

Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kịch bản và kịch bản truyền hình, vai trò của kịch bản trong quá trình sáng tạo các tác phẩm truyền hình. Sinh viên tiếp cận với phương pháp, kỹ thuật viết kịch bản, cách thiết kế câu hỏi, cách thu thập và xử lý thông tin theo từng loại tác phẩm truyền hình. Môn học còn cung cấp một số kịch bản truyền hình.

Ở phần chung, sinh viên được giới thiệu về môn học; những khái niệm cơ bản về kịch bản truyền hình, phân biệt kịch bản truyền hình và các loại kịch bản khác. Ở phần cụ thể, sinh viên được tiếp cận với một số loại kịch bản truyền hình như: phóng vấn truyền hình, phóng sự truyền hình, bình luận truyền hình, kí sự truyền hình, kết

hợp lí thuyết với thực tiễn báo hình và thực hành

10.68. Tiếp thị số

Học phần Tiếp thị số được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) Tổng quan về E-Marketing, (2) Các công cụ E-Marketing, (3) Xây dựng và triển khai kế hoạch E-Marketing. Trên cơ sở đó, học viên vận dụng giải quyết các tình huống thực tế của doanh nghiệp.

10.69. Nghệ thuật chữ

Nắm vững và giải thích các lý thuyết chính về nghệ thuật chữ trên các thể loại báo nhìn và các sản phẩm quảng cáo cảm nhận bằng mắt Có khả năng phân tích ảnh, chọn ảnh, chuyển ảnh theo các loại định dạng. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và kỹ năng tác nghiệp trên cơ sở nguyên lý thiết kế của nghệ thuật chữ dựa trên những yếu tố cơ bản gồm: Hệ thống quy định về cấu trúc ngữ pháp, hình ảnh các ký tự, cùng với các nguyên tắc sử dụng. Biết cách bố cục, sắp xếp, sáng tạo sao cho có được một tác phẩm đẹp, ấn tượng về hình thức, theo nguyên lí: Thông qua hình thức nhằm biểu đạt nội dung.

10.70. Nghệ thuật quảng cáo

Ngày nay quảng cáo thực sự đã trở thành một nghề kinh doanh, đồng thời là một công cụ trọng yếu của Marketing. Nghệ thuật quảng cáo là môn học quan trọng của chương trình đào tạo chuyên sâu ngành Quản trị Marketing. Học phần Nghệ thuật quảng cáo được tổ chức giảng dạy theo 5 chương: (1) Tổng quan về Quảng cáo; (2) Xác định mục tiêu quảng cáo và ngân sách quảng cáo; (3) Kỹ thuật lựa chọn phương tiện quảng cáo; (4) Kỹ thuật thiết kế thông điệp quảng cáo; (5) Kỹ thuật tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả quảng cáo.

10.71. Marketing địa phương

Marketing địa phương thuộc chuyên ngành Marketing nhằm cung cấp kiến thức cho người học về quy trình hoạch định, tổ chức và kiểm soát marketing trong môi trường kinh doanh địa phương với nhiều nét khác biệt: nghiên cứu phân khúc lựa chọn thị trường; xây dựng các chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối, chiêu thị thâm nhập thị trường; quy trình xây dựng một kế hoạch marketing quốc tế.

10.72. Thực tập tốt nghiệp

Nhận biết được cơ cấu tổ chức và vận hành của các đài phát thanh truyền hình, công ty tổ chức sự kiện, công ty tư nhân. Nêu được một số ứng dụng của các kiến thức đã được trang bị trong giải quyết các vấn đề thực tế. Nêu được một số giải pháp, công nghệ được vận dụng tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, nơi sinh viên thực tập. Kỹ năng thực hành, kỹ năng biên tập, kỹ năng giải quyết vấn đề thực tiễn tại đơn vị thực

tập, kỹ năng làm việc nhóm. Kỹ năng vận dụng các giải pháp của truyền thông và lựa chọn giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề thực tế. Rèn luyện kỹ năng trình bày, giao tiếp và ứng xử tốt trong môi trường công việc. Kỹ năng sáng tạo, nghiên cứu và tự học để nâng cao trình độ. Có ý thức và trách nhiệm trong công việc. Rèn luyện tác phong nghề nghiệp, ý thức chấp hành kỷ luật trong lao động, thái độ giao tiếp với mọi người, phát huy tinh thần học hỏi, chủ động sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề của thực tiễn sản xuất, lao động và cuộc sống. Có ý thức học tập suốt đời.

10.73. Khóa luận tốt nghiệp

Hiểu hướng nghiên cứu cụ thể. Nêu được một số ứng dụng của các kiến thức đã được trang bị trong quá trình học. Nêu được một số giải pháp, vấn đề chung vận dụng cho bài khóa luận tốt nghiệp. Kỹ năng thực hành, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề thực tiễn tại đơn vị thực tập, kỹ năng làm việc nhóm. Kỹ năng vận dụng các phương pháp đã học và lựa chọn giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề toán tốt nghiệp. Rèn luyện kỹ năng trình bày, giao tiếp và ứng xử tốt trong môi trường công việc. Kỹ năng sáng tạo, nghiên cứu và tự học để nâng cao trình độ. Có ý thức và trách nhiệm trong công việc. Rèn luyện tác phong nghề nghiệp, ý thức chấp hành kỷ luật trong lao động, thái độ giao tiếp với mọi người, phát huy tinh thần học hỏi, chủ động sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề của thực tiễn sản xuất, lao động và cuộc sống. Có ý thức học tập suốt đời

10.74. Tiểu luận tốt nghiệp

Hiểu hướng nghiên cứu cụ thể. Nêu được một số ứng dụng của các kiến thức đã được trang bị trong quá trình học. Nêu được một số giải pháp, vấn đề chung vận dụng cho bài tiểu luận tốt nghiệp. Kỹ năng thực hành, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề thực tiễn tại đơn vị thực tập, kỹ năng làm việc nhóm. Kỹ năng vận dụng các phương pháp đã học và lựa chọn giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề toán tốt nghiệp. Rèn luyện kỹ năng trình bày, giao tiếp và ứng xử tốt trong môi trường công việc. Kỹ năng sáng tạo, nghiên cứu và tự học để nâng cao trình độ. Có ý thức và trách nhiệm trong công việc. Rèn luyện tác phong nghề nghiệp, ý thức chấp hành kỷ luật trong lao động, thái độ giao tiếp với mọi người, phát huy tinh thần học hỏi, chủ động sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề của thực tiễn sản xuất, lao động và cuộc sống. Có ý thức học tập suốt đời..

10.75. Lập trình trò chơi đa phương tiện

Môn học này giúp cho sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc lập trình trò chơi trong lĩnh vực công nghệ game và nắm vững các khái niệm về lập trình trò chơi và các thành phần cơ bản của một trò chơi. Sinh viên được cung cấp các kiến thức cơ bản về toán học và một số giải thuật trí tuệ nhân tạo để vận dụng lập trình trò

chơi. Sinh viên nắm vững việc tổ chức và các phương pháp thiết kế một trò chơi trên internet thông qua mạng. Sinh viên được trang bị kỹ năng cơ bản và vận dụng lập trình trò chơi 2D, 3D

10.76. Tổ chức và hoạt động của các cơ quan báo chí truyền thông

Môn học cung cấp kiến thức về cơ cấu tổ chức và hoạt động của cơ quan báo chí, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế làm việc của các phòng ban và vị trí, vai trò, nhiệm vụ của các chức danh trong cơ quan báo chí. Môn học cũng giới thiệu quy trình sản xuất (đường đi) của một tờ báo – từ lúc ban biên tập lên kế hoạch xuất bản đến khi tiếp nhận thông tin phản hồi sau khi báo phát hành.

10.77. Kinh doanh xuất bản ấn phẩm

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên trình độ lý luận và kỹ năng tổ chức hoạt động kinh doanh xuất bản phẩm trong các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực xuất bản- phát hành, các cơ quan báo chí và công ty truyền thông.

10.78. Quản trị thương hiệu

Quản trị Thương hiệu là môn học khái quát về thương hiệu. Xây dựng, duy trì và phát triển thương hiệu ở doanh nghiệp. Tạo dựng và quản trị một thương hiệu là cả một quá trình marketing hoàn chỉnh đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu không ngừng và sự đầu tư thích đáng của doanh nghiệp nhằm xây dựng duy trì, bảo vệ, củng cố giá trị tài sản thương hiệu của doanh nghiệp trên thương trường. Quản trị thương hiệu là một môn học trong chương trình đại học ngành Marketing và Quản trị kinh doanh. Học phần được biên soạn nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng quản trị thương hiệu trong doanh nghiệp. Môn học cũng giúp sinh viên nhận thức về vị trí, vai trò của chức năng quản trị thương hiệu trong doanh nghiệp, hiểu và vận dụng tốt các kỹ năng cần thiết đối với người quản trị thương hiệu, cuối cùng là nhận thức được xu hướng phát triển kinh doanh hiệu quả thông qua xây dựng và phát triển thương hiệu mạnh trên thị trường.

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình chi tiết đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Anh hệ chính quy gồm **130 TC** (chưa tính Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất), trong đó có **26 TC giáo dục đại cương, 42 TC cơ sở ngành, 50 TC Kiến chuyên ngành và 12 TC tốt nghiệp**, việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thực hiện.

+ **Phần nội dung chương trình bắt buộc:** Trường Đại học Tây Đô chỉ đạo Khoa Ngữ Văn bộ môn tiếng nước ngoài phải tổ chức thực hiện giảng dạy đủ khối lượng đã quy định.

+ **Phần nội dung chương trình tự chọn:** tùy theo số đông sinh viên lựa chọn chủ đề của phần tự chọn để học đủ số lượng theo quy định. Đối với học kỳ cuối khóa, sinh viên có thể học thêm 4 TC và làm tiểu luận nếu không làm khóa luận tốt nghiệp.

+ **Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian:** Khoa Ngữ Văn bộ môn tiếng nước ngoài sẽ chủ động bố trí và điều chỉnh các học phần của các học kỳ và phải bảo đảm tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương trước khi học các môn chuyên ngành. Phòng Đào tạo và Khoa Ngữ Văn sẽ sắp xếp chương trình và triển khai thực hiện theo chương trình chi tiết đã được duyệt.

Cách quy đổi giờ:

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 tín chỉ (TC) = 15 tiết giảng lý thuyết (Các học phần lý thuyết)
= 30 đối với học phần thực tập, thực hành

Số tiết của các học phần là bội số của 15.

Một tiết giảng là 50 phút.

12. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tây Đô.

Cần Thơ, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG P. ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA



Lê Phú Nguyễn Hải



Lưu Văn Công Luân